

"TRÁI TIM CỦA THẾ GIỚI KHÔNG CÓ TRÁI TIM"

HÀ THỨC MINH^(*)

Đó là câu nói của Mác trong *Lời nói đầu, Góp phần phê phán triết học pháp quyền của Hegel*. Đoạn văn quan trọng đó như sau:

"Sự khổ đau của tôn giáo, một mặt là biểu hiện của sự khổ đau hiện thực, và mặt khác là sự *phản kháng* chống sự khổ đau hiện thực ấy. Tôn giáo là tiếng thở dài của chúng sinh bị áp bức, là trái tim của thế giới không có trái tim"⁽¹⁾.

Cái mà Mác gọi là "sự khổ đau" của tôn giáo, thực ra cũng chỉ là sản phẩm của "sự khổ đau" của hiện thực. Nhưng dẫu sao thì trong hiện thực "khổ đau" đó, tiếng thở dài của chúng sinh ít nhiều cũng làm vơi nỗi khổ của chính mình. Hiện thực "khổ đau" đó đẻ ra tôn giáo nhưng kém tôn giáo nhiều lắm, bởi vì nó chỉ là "thế giới không có trái tim", trong khi tôn giáo lại là thế giới có "trái tim", trái tim nóng trong thế giới lạnh.

Cho nên cũng có lí nếu cho rằng "tôn giáo là hiện tượng xã hội chỉ xuất hiện khi xã hội loài người phát triển đến một giai đoạn nhất định. Thời kì ban đầu của xã hội loài người không thể sản sinh ra tôn giáo được. Từ lúc không có tôn giáo đến lúc sản sinh ra tôn giáo chính là một bước tiến của xã hội loài người"⁽²⁾.

Trong quá trình phát triển của xã hội loài người, ba tôn giáo lớn trên thế giới là đạo Kitô, đạo Islam và đạo Phật đều ra đời ở Châu Á cũng chẳng phải là điều ngẫu nhiên.

Hầu như bất kì tôn giáo nào trên trái đất này cũng đều quan tâm nhiều đến đời sống tinh thần của con người hơn là đời

sống vật chất. Mặc dầu tôn giáo được thoát thai từ cuối thời kì công xã nguyên thủy xa xưa, nghĩa là khi đời sống vật chất của con người còn quá thấp kém, tuy nhiên điều mà tôn giáo quan tâm không phải chủ yếu là vật chất mà là tinh thần. Tinh thần này được giải quyết không phải từ hiện thực, từ thế giới bên này mà từ *thế giới bên kia* như Mác đã nói:

"Do đó, *nhiệm vụ của lịch sử* sau khi *thế giới bên kia của chân lí* đã mất đi, là xác lập *chân lí của thế giới bên này*"⁽³⁾.

"Việc phê phán tôn giáo làm cho con người thoát khỏi ảo tưởng để con người tư duy, hành động, xây dựng tính hiện thực của mình, với tư cách là một con người đã thoát khỏi ảo tưởng và đạt đến tuổi có lí trí; để con người vận động xung quanh bản thân mình, nghĩa là vận động xung quanh cái mặt trời thật sự của mình. Tôn giáo chỉ là cái mặt trời ảo tưởng nó vận động xung quanh con người chừng nào con người chưa bắt đầu vận động xung quanh bản thân mình"⁽⁴⁾.

Mác nói đến "thế giới bên kia", "mặt trời ảo tưởng"... tức là muốn phê phán tính phi hiện thực, quay lưng lại với cuộc sống của tôn giáo. Cho nên điều quan trọng chính là con người phải "vận động xung quanh bản thân mình". Bằng cách

*. PGS. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Phân viện tại Thành phố Hồ Chí Minh.

1. Các Mác - Phridrich Ăngghen. *Tuyển tập*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1980, t. 1, tr. 14.

2. Nhiệm Kế Dũ. *Lịch sử đạo Islam*. Trung Quốc khoa học xuất bản xã, Bắc Kinh, 1993, *Lời nói đầu*.

3. Các Mác - Phridrich Ăngghen. *Tuyển tập*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1980, t. 1, tr. 15.

4. Sđd, tr. 15.

gì để con người có thể vận động xung quanh bản thân mình?

Feuerbach, nhà triết học duy vật lừng danh của nước Đức đương nhiên rất quan tâm đến điều đó. Ông cho rằng muốn thực hiện điều đó, con người phải dựa vào con người để trả cái siêu nhiên về cho cái tự nhiên và dựa vào cái tự nhiên để trả cái "siêu con người" về cho con người. Ông đã tuyên bố một câu mà Mác đánh giá hết sức cao đó là "tôn giáo là sự tha hóa của con người". Tuy nhiên Feuerbach cũng không thể nào làm cho con người "vận động xung quanh bản thân mình" được. Mác đã chỉ ra nhược điểm đó của Feuerbach ở chỗ là "Feuerbach đã hòa tan bản chất tôn giáo vào bản chất con người"⁽⁵⁾, bởi vì Feuerbach không hiểu được bản chất con người là "tổng hòa những quan hệ xã hội"⁽⁶⁾. Vì vậy, cũng như tôn giáo, Feuerbach chỉ "giải thích thế giới" tức là chỉ "thuyết minh" nỗi khổ đau của con người chứ không phải "thay đổi thế giới"⁽⁷⁾, xóa bỏ khổ đau của con người.

Không phải tìm kiếm nguyên nhân thực sự khổ đau của con người ở đời sống tinh thần mà chính là ở đời sống vật chất. Cho nên "vũ khí của sự phê phán không thể thay thế được sự phê phán của vũ khí; lực lượng vật chất chỉ có thể bị đánh đổ bằng lực lượng vật chất"⁽⁸⁾. Nguyên nhân của mọi nỗi đau khổ là ở áp bức giai cấp, cho nên "lực lượng vật chất" để "giải phóng" con người khỏi khổ đau đó là "giai cấp vô sản" và "triết học" của nó:

"Đầu não của sự giải phóng ấy là triết học, trái tim của nó là giai cấp vô sản"⁽⁹⁾.

Không có gì xóa bỏ nỗi khổ đau của con người triệt để bằng xóa bỏ giai cấp. Nhưng xóa bỏ giai cấp chỉ là cái *bắt đầu* chứ không phải là cái *cuối cùng*. Ai dám bảo rằng con người không khổ đau trong xã hội nguyên thủy không có giai cấp? Con người khổ đau không phải *chỉ vì* bị

áp bức giai cấp. Bao giờ mới có thể xóa bỏ hết giai cấp trên thế giới này? Từ bây giờ đến lúc xa vời đó, ngoài việc đấu tranh xóa bỏ giai cấp ra con người không thể làm gì khác nữa để làm vơi nỗi khổ chăng? Cho nên tôn giáo đến với con người có lẽ không phải hoàn toàn chỉ là ảo tưởng nhất thời thiếu lí trí. Xpirkin nói cũng có lí:

"Nếu tôn giáo chỉ đơn giản là sai lầm nhất thời của trí óc con người thì nó đã không thể chiếm được vị trí trung tâm trong cấu trúc của ý thức xã hội trong suốt hai nghìn năm, và nó đã biến mất ngay khi khoa học và triết học đưa ra lời giải đáp của mình về những vấn đề cơ bản của tồn tại chống lại nó"⁽¹⁰⁾.

Hơn nữa, tôn giáo ở phương Tây và tôn giáo ở phương Đông cũng không hoàn toàn giống nhau. Từ thế kỉ XIII, khi các dòng tu Domingo (Ordo Dominicanorum) và Franciscans (Order of Friars Minor) xuất hiện thì các hình thái ý thức như triết học, chính trị, luật pháp đều bị quy về dưới quyền thống soái của ý thức tôn giáo. Mỗi bước trưởng thành của giai cấp tư sản phương Tây cũng là mỗi bước tách triết học khỏi cuộc sống "chùm gởi" ở thân cây tôn giáo. Tuy nhiên theo Xpirkin thì "sự tách biệt thật sự giữa triết học và tôn giáo thành những hình thái đặc thù của ý thức xã hội chỉ xảy ra vào lúc giao thời giữa thời trung cổ và thời cận đại"⁽¹¹⁾. Ở phương Tây, triết học và chính trị "đòi" tách khỏi tôn giáo, trong khi ở phương Đông thì hình như không có chuyện đó, nếu có chăng thì nhu cầu "đòi" đó ở tôn

5. Sđd, tr. 257.

6. Sđd, tr. 257.

7. Sđd, tr. 258.

8. Sđd, tr. 25.

9. Sđd, tr. 33.

10. A.G. Xpirkin. *Triết học xã hội*. Nxb. Tuyên huấn, Hà Nội, 1989, t. 2, tr. 141.

11. Sđd, tr. 149.

giáo nhiều hơn là ở triết học và chính trị. Ở phương Tây, quốc vương gặp đầu xin được chấp nhận là bề tôi trước Giáo hoàng, trong khi ở phương Đông không có ông sư nào "bắt" nhà vua phải quỳ trước mặt mình, nhưng cũng không có ông sư nào lại phải quỳ trước nhà vua cả.

Chính Xpirkin cũng công nhận rằng ở phương Đông "triết học và tôn giáo không phải bao giờ cũng được coi là phân biệt với nhau như là những hình thái riêng rẽ của ý thức xã hội. Thí dụ Phật giáo nhiều khi không được coi là tôn giáo mà là triết học, nói cho đúng hơn là triết học tôn giáo, khác với truyền thống thật sự của phương Tây tự mình đối lập với Kitô giáo"⁽¹²⁾.

Sở dĩ triết học phương Tây "đối lập" với tôn giáo bởi vì tôn giáo đòi cái "hiện thực" phải hòa tan vào cái "ảo tưởng". Ở phương Đông, tôn giáo phải chăng hoàn toàn chỉ là "thế giới lộn ngược"? Phải chăng nên gọi nó là một thứ "ảo tưởng hiện thực". "Đẹp đạo" cũng tức là "tốt đời". "Đạo" và "đời" không phải là hai thế giới lộn ngược với nhau, nếu không thì "đẹp" của cái này không thể là "tốt" của cái kia được. Tôn giáo ở phương Đông không tuyên chiến với "đời" như 8 lần "Thánh chiến" Đông chinh rùng rã suốt gần 200 năm trời (1096 - 1291) của Thập tự quân Kitô giáo. Phật giáo ở phương Đông chẳng Tây chinh mà cũng chẳng Đông chinh để rồi gây ra bao cảnh đầu rơi máu đổ. Không những vậy mà tôn giáo luôn sẵn sàng sát cánh cùng "đời" để chống lại quân xâm lược tàn bạo, chà đạp lên giáo lí "từ bi". Cho nên cũng chẳng có gì là sai trái nếu cho rằng đạo đức của tôn giáo nhiều chỗ phù hợp với đạo đức của xã hội mới. Đương nhiên đạo đức tôn giáo có nhiều hạn chế của nó, đó là điều không thể tránh khỏi. Ngay đạo đức của giai cấp công nhân, đạo đức của giai cấp tiến bộ nhất hiện nay trên thế giới, cũng đâu phải đã là hoàn mỹ. Chính Ăngghen

cũng đã nhận xét rằng đạo đức của giai cấp, cho dù là giai cấp công nhân đi nữa, thì cũng "vẫn chưa vượt được qua khuôn khổ đạo đức của giai cấp". Cho nên "một nền đạo đức thực sự có tính chất nhân đạo phải đặt lên trên sự đối lập giai cấp và lên trên mọi hủ tục về sự đối lập ấy. Nền đạo đức như vậy chỉ có thể có được khi nào xã hội đã tiến tới một trình độ mà người ta không những đã thắng được mà lại còn quên đi sự đối lập giai cấp trong thực tiễn của cuộc sống"⁽¹³⁾.

Vậy thì dù cho đạo đức tôn giáo bị hạn chế ở chỗ này hay chỗ kia đi nữa, cũng chẳng có gì đáng ngạc nhiên cho lắm, quan trọng nhất chính là chức năng "trái tim của thế giới không có trái tim" của nó. Để có thể đưa tay kéo nhân loại khỏi vũng bùn khổ đau, tôn giáo nào mà không đi tìm nguyên nhân của sự đau khổ? Ở phương Đông, trong *Kinh Veda*, cơ sở của nhiều tôn giáo và triết học Ấn Độ, đã đề cập đến một sức mạnh vô hình đang chi phối toàn bộ thế gian này, sức mạnh đó gọi là Rta (nguyên tắc của vũ trụ). Mọi sự vật trong trời đất đều không vượt ra khỏi bàn tay sắt của nó:

"Nền móng vĩnh hằng của Rta là vững chãi vô cùng.

Bộ mặt của nó sáng chói và đẹp đẽ vô ngần.

Dựa vào Rta thần thánh, chúng đem lại cho chúng ta những thức ăn vĩnh cửu.

Dựa vào Rta thần thánh con bò sữa xuất hiện trong tế lễ của chúng ta".

(Rig Veda, IV 23, 9)

Cái gọi là Rta có "tính tôn giáo" này cũng không khác gì lắm với thuyết "Ý

12. Sđd, tr. 148.

13. Ph. Ăngghen. *Chống Duy-rinh*. Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1976, tr. 156 (Đoạn trích trên do tôi sửa lại đôi chỗ nên không hoàn toàn giống với bản dịch).

niệm" (Idée) có "tính triết học" của Platon ở phương Tây và quan niệm về "Đạo" của Đạo gia ở Trung Quốc. Cũng không ai cho rằng "Ý niệm" của Platon và "Đạo" của Đạo gia là tôn giáo. Cho nên cũng khó phân biệt đâu là tôn giáo đâu là triết học để khoắc cho nó chiếc áo "ảo tưởng" hay "hiện thực". Rta là "nguyên tắc", tức là cái nhất thiết phải được tuân thủ, là cái "tất yếu". *Rig Veda* bắt đầu bằng cái "tất yếu", đến *Upanisad* mới bàn đến cái "tự do", cái "giải thoát" (Moksa). Bàn về đau khổ và giải thoát mà không nói gì đến "tất yếu" và "tự do" thì bàn làm gì. Kinh điển tôn giáo này xem ra đã vô tình thực hiện điều mà Ăngghen từng lưu ý:

"Người ta không thể bàn bạc đúng đắn về đạo đức và pháp quyền, mà lại không nói đến cái gọi là tự do ý chí, đến trách nhiệm của con người, đến quan hệ giữa tất yếu và tự do"⁽¹⁴⁾.

Upanisad cho rằng muốn giải thoát (tự do) thì con người (tiểu ngã, Atman) phải tuân theo cái tất yếu (Brahman)⁽¹⁵⁾. Nguyên tắc đó gọi là "Phạm ngã nhất như" (Brahmatmaikya). Will Durant cho rằng "đó chính là tinh túy của *Upanisad*". "Tinh túy" đó được thể hiện ở câu chuyện sư phụ giảng giải đạo lý cho đệ tử dưới mái chùa như sau:

"Đem lại cho ta một trái sung.

Thưa tôn sư, đây.

Bữa nó ra.

Thưa tôn sư, con bữa rồi đây.

Con thấy gì?

Thưa tôn sư, con thấy nhiều hạt nhỏ.

Cắt một hạt đi.

Thưa tôn sư, con cắt rồi đây.

Con thấy gì?

Thưa tôn sư, con chẳng thấy gì cả.

Đúng vậy đấy con, chính từ cái bản thể tế vi đó, phải, chính từ cái bản thể tế vi

đó mà phát sinh ra cây sung lớn. Con tin thầy đi, chính cái bản thể tế vi đó là linh hồn của cả vũ trụ. Nó chính là cái thực thể. Chính là *Atman, tat tavam asi* - chính là con đấy, Shewetaketu ạ".

Shewetaketu quả thật "chẳng thấy gì cả" trong hạt sung nhỏ bé đó làm cho người ta lại càng khó tìm thấy bóng dáng của tôn giáo trong câu chuyện "tôn giáo" này. Có lẽ vì vậy nên Will Durant cho rằng nó "có phần giống với khẩu khí của Hégel"⁽¹⁶⁾. Công bằng hơn thì nên nói "Hégel có phần giống với *Upanisad*" mới đúng.

Kinh Kim thất thập luận phân chia nỗi khổ đau của con người làm 3 loại: 1) Khổ bên ngoài (y ngoại khổ, ādhibhauṭika), là nỗi khổ do con người hoặc do sinh vật khác như hùm beo cắn rết gây ra. 2) Khổ bên trong (y nội khổ, adhyātmika), bao gồm khổ về tâm lý và khổ về sinh lý. 3) Khổ do tự nhiên (y thiên khổ, ādhidavika), khổ do thời tiết nóng lạnh gây ra.

Thực ra đó cũng chính là nỗi khổ chung của con người, cho nên nhiều tôn giáo như Kitô giáo, Phật giáo... ngay từ lúc ra đời là tiếng nói của người dân lao động. Phật Thích Ca thường nói "vạn sự là khổ" (Sarvam duhkha), về sau người ta đề cập đến hàng trăm nỗi khổ, nhưng thông thường hay nói nhất vẫn là "ngũ khổ" hoặc "bát khổ"⁽¹⁷⁾. Cũng không thể cho rằng Phật giáo đã đề cập một cách sai

14. Sđd, tr. 187.

15. Brahman có nghĩa "thánh trí", "thần lực"... Trong *Brahmana*, "Đại ngã" thuộc giống cái: *Brahma*, *Upanisad* không chấp nhận thuyết "thần và người hình dạng giống nhau" (anthropomorphisme), cho nên chuyển "Đại ngã" thành trung tính "Brahman". Điều này càng chứng tỏ sự hoà đồng của tôn giáo và triết học.

16. Will Durant. *Lịch sử văn minh ấn Độ*. Nxb. Văn hóa, Hà Nội, 1996, tr. 67.

17. Ngũ khổ: 1) Sinh, lão, bệnh, tử khổ, 2) Cầu bất đắc khổ. 3) ái biệt ly khổ. 4) Oán tăng hội khổ. 5) Ngũ uẩn khổ. Bát khổ: tách sinh, lão, bệnh, tử thành tứ khổ, cộng với 4 khổ còn lại thành 8 khổ.

lâm về "khổ"⁽¹⁸⁾. Nhưng có lẽ đúng hơn nếu cho rằng Phật giáo đã "giải tỏa" nỗi khổ đau chứ không phải "giải quyết" khổ đau. Trong "Thập nhị nhân duyên", Phật giáo không đề cập đến nguyên nhân giai cấp, cho nên không xóa bỏ giai cấp thì làm sao có thể "giải quyết" khổ đau một cách triệt để được. Tuy nhiên, trong khi không "giải quyết" được thì "giải tỏa" vẫn có tác dụng không thể thiếu. Bao giờ thế giới hiện thực chưa trở thành trái tim thì sự "giải tỏa" kia đâu có thể trở thành thừa được. Sự bổ sung của hiện thực bằng công tác tư tưởng chỉ dừng lại ở tư tưởng, có nghĩa là chính tư tưởng đó tự chứa ra một khoảng trống, bởi vì con người không phải chỉ có phần nổi của tảng băng tư tưởng ở bên trên mà còn phần chìm lớn hơn nhiều của tâm lí, tình cảm. Tóm lại là thế giới nội tâm (Citta) mà nhà tâm phân học Freud có lẽ cần cố gắng hơn nữa may ra mới đuổi kịp phương Đông. Nếu con tàu chỉ chuyên chở tư tưởng thì con tàu đó thường chỉ thả neo ngoài xa. Cho nên cái hay của Trang Tử là ở chỗ chủ trương "tình cảm phải theo lí trí, lí trí phải giải tỏa tình cảm" (dĩ tình tòng lí, dĩ lí hóa tình)⁽¹⁹⁾.

Xét cho cùng thì đau khổ hay hạnh phúc không phải nằm ở cái "đầu" mà chính là nằm ở "trái tim". Phật giáo đã đánh thức trái tim đó bằng thuyết "nhân quả", đúng hơn nên gọi là "thuyết duyên khởi" (Pratityasamutpada), tức là hạnh phúc hay đau khổ không phải ngoài tầm với của con người. Không phải ai tin theo thuyết "định mệnh" thì người đó nhất thiết phải là tín đồ của tôn giáo, ngược lại không phải mọi tôn giáo đều theo thuyết "định mệnh". Thuyết "định mệnh" làm cho số phận chỉ biết nhắm mắt mặc cho "con tạo xoay vần", trong khi thuyết "nhân quả" tự thấp đuốc tìm lấy đường đi của mình. Chỉ riêng điều đó cũng đáng cài bông hồng trên chiếc áo cà sa của

Phật giáo, tôn giáo có lịch sử lâu đời vào bậc nhất trên thế giới cũng như ở Việt Nam. Phật giáo là sản phẩm của Ấn Độ từ thế kỉ thứ VI trước công nguyên nhưng nó không thể không rời quê hương xứ sở để tha hương sang các nước Châu Á khác như Việt Nam, Trung Quốc, Nhật Bản... Phật giáo không thể ở lại Ấn Độ bởi vì chính nó đã phủ định đạo Bàlamôn, nếu Bàlamôn là tôn giáo theo đúng nghĩa thì Phật giáo lại là một thứ "tôn giáo hiện thực". Xã hội Ấn Độ một lần nữa chỉ chấp nhận Ấn Độ giáo - "tôn giáo của tôn giáo" - chứ không phải "tôn giáo hiện thực". Các tông phái khác của Phật giáo hầu như đều bị rơi rụng theo thời gian trừ Thiền tông. Thiền tông thích ứng với xã hội không nặng về tư duy siêu hình như Việt Nam, Trung Quốc, Nhật Bản... Nếu như vào thời kì phong kiến, các nước Á Đông không ít thì nhiều nhuộm màu "hiện thực tôn giáo" thì lẽ nào Thiền tông lại không đâm chồi mọc rễ với tư cách là một "tôn giáo hiện thực" trong xứ sở "hiện thực".

Mác nói rất đúng rằng "lực lượng vật chất chỉ có thể bị đánh bại bằng lực lượng vật chất", vậy thì "lực lượng tinh thần" cũng không dễ gì bị "lực lượng vật chất" đánh bại. Tuy Mác cho rằng chủ nghĩa duy tâm đã phát huy sức mạnh tinh thần một cách trừu tượng, nhưng dù sao đó cũng là thành tựu của chủ nghĩa duy tâm và cũng là hạn chế của chủ nghĩa duy vật trước đó. Ở chân trời phía Đông, từ lâu

18. "Khổ": Sanskrit: duhkha, Pali: dukkha. Tiếng Tạng: sdugbsngal. Duhkha, nguyên văn Sanskrit do từ *du* và *kham* hợp thành. *Du* là ghét bỏ, *kham* là trống không, hư không. Vừa chán ghét, vừa hư không (Phật giáo đại từ điển, Thương vụ ấn thư quán quốc tế hữu hạn công ti, 1994, tr. 338). Narada cho rằng "duhkha là một sự hư vô đáng khinh miệt" (Đức Phật và Phật pháp, tr. 325). Nói cách khác, con người khổ vì không hiểu thực sự về "khổ".

19. Trang Tử. Bắc Kinh Yến Sơn xuất bản xã, Bắc Kinh, 1995, tr. 19.

Khổng Tử cũng đã khẳng định rằng chỉ "có thể bắt được tướng giữa ba quân nhưng không thể làm nhứt ý chí một người bình thường" (Tam quân khả đoạt sủy dã, thất phu bất khả đoạt chí dã, *Luận ngữ, Tử hãn*).

Khi những bước tiến vọt của khoa học công nghệ càng đem lại sự giàu sang cho bên này thì càng reo rắc khổ hạnh cho bên kia. Đồng tiền không đủ phép màu để có thể làm cho tâm hồn được thanh thản. Đồng tiền cũng không thể biến thế giới không có trái tim thành trái tim được. Từ đại chiến thế giới lần thứ hai đến nay, tôn giáo không những không giảm đi mà còn tăng thêm. Theo Niên giám Đại bách khoa của Anh, năm 1991 công bố tín đồ các loại tôn giáo chiếm đến 4/5 dân số trên thế giới. Một nước khoa học công nghệ tiên tiến vào bậc nhất như Nhật Bản đồng thời cũng là một nước mà tôn giáo mọc ra không dưới 770 giáo phái⁽²⁰⁾. Một thế giới vật chất đầy đủ đi liền với một thế giới tinh thần thiếu thốn? Xu hướng và hoạt động của tôn giáo không chết cứng như người ta tưởng, những bước tiến vọt của khoa học công nghệ trong thời đại hiện nay làm cho "tôn giáo phát triển theo hướng hiện đại hóa, thế tục hóa. Lí luận thần học từ chỗ đóng đinh vào cõi Thiên Đường với viễn cảnh

xa xôi, chuyển sang quan tâm nghiên cứu về cuộc sống trần thế, điều mà người ta quan tâm không phải là sự thưởng phạt thiện ác gì đó ở thế giới bên kia mà chính là luân lí, đạo đức ở thế giới bên này. Về nghi thức, tôn giáo đã khai thác triệt để những thiết bị cơ điện và những câu lạc bộ giải trí. Tổ chức tôn giáo không còn đơn thuần chỉ là nơi truyền giáo và liên hệ với tín đồ mà là nơi hoạt động nhiều về kinh tế, thương nghiệp, thậm chí sản xuất vũ khí, buôn bán đầu cơ, kinh doanh du lịch hoặc là trở thành tập đoàn tiền tệ, tài chính. Cũng có những lãnh tụ tôn giáo trở thành tỉ phú. Cùng với sự phát triển của kinh tế, văn hóa thế giới, xu hướng của tôn giáo trong tương lai sẽ như thế nào quả thật cũng khó lường"⁽²¹⁾.

Thôi hãy cứ để cho tôn giáo thực hiện đúng chức năng trái tim của nó, không nên xem nó như là "lịch sử đã để lại" mà nên xem nó như là "hiện tại đang đặt ra". Chừng nào mà thế giới hiện thực này trở thành trái tim thì trái tim tôn giáo còn tồn tại làm gì? Ngày đó chắc còn xa vời chẳng khác gì con đường dẫn tới một vì sao thấp thoáng trong vũ trụ bao la./.

20. *Tôn giáo từ điển*. Học uyển xuất bản xã, Bắc Kinh, 1999, tr. 424.

21. Sđd, tr. 424.